

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc Lập - Tự Do – Hạnh Phúc
Bản án số: 22/2024/DS-ST
Ngày: 23/4/2024
V/v “Tranh chấp
hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Cúc

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Thanh Trà
Ông Phạm Công Lương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 23/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 384/2023/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2023; về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384/QĐXXST-DS ngày 18/3/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 384/2023/QĐST- DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: Số B - B N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền : Ông Nguyễn Tiến A, chức vụ: Chuyên viên (Giấy ủy quyền ngày 08/8/2023). Ông A có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trần Đại Q, sinh năm: 1989. Địa chỉ: A P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến A trình bày:

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, Ông Nguyễn Trần Đại Q có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và

sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 48.535.293 đồng. Lãi suất áp dụng 2,6%/ tháng kể từ ngày 06/08/2019 lãi suất 2,77%/ tháng (lãi suất trong hạn) và được S1 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 33.799.500 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 02 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 10/04/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 10/04/2024, ông Nguyễn Trần Đại Q còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Dư nợ gốc mới : 51.668.779 đồng
- Lãi QH : 1.513.823 đồng
- Tổng cộng : 53.182.602 đồng (Năm mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm bảy mươi chín đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Q có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông Q vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân Hàng TMCP S - Chi nhánh S2 – P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trần Đại Q trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/04/2024 là 53.182.602 đồng (Năm mươi ba triệu, một trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm lẻ hai đồng) Trong đó:

- Dư nợ gốc mới : 51.668.779 đồng
- Lãi QH : 1.513.823 đồng
- Tổng cộng : 53.182.602 đồng

Ông Nguyễn Trần Đại Q có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng, bên bị đơn chịu toàn bộ án phí và các chi phí liên quan khác (nếu có).

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ đến Tòa nhiều lần đối với bị đơn là ông Nguyễn Trần Đại Q để cung cấp bản khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông Q vắng mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không có bản khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với bị đơn tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Trần Đại Q vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 18 tháng 11 năm 2020, ông Nguyễn Trần Đại Q có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 48.535.293 đồng. Lãi suất áp dụng 2,6%/ tháng kể từ ngày 06/08/2019 lãi suất 2,77%/ tháng (lãi suất trong hạn) và được S1 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 33.799.500 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 02 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 10/04/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 10/04/2024, ông Nguyễn Trần Đại Q còn nợ ngân hàng các khoản sau:

- Dư nợ gốc mới : 51.668.779 đồng
- Lãi QH : 1.513.823 đồng
- Tổng cộng : 53.182.602 đồng (Năm mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm bảy mươi chín đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Q có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông Q vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân Hàng TMCP S - Chi nhánh S2 – P kính đề nghị Quý Tòa buộc ông Nguyễn Trần Đại Q trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/04/2024 là 53.182.602 đồng (Năm mươi ba triệu, một trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm lẻ hai đồng) Trong đó:

- Dư nợ gốc mới : 51.668.779 đồng
- Lãi QH : 1.513.823 đồng

. Tổng cộng : 53.182.602 đồng

Ông Nguyễn Trần Đại Q có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/04/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng, bên bị đơn chịu toàn bộ án phí và các chi phí liên quan khác (nếu có).

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP S thì thấy:

Xét thấy, hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là hợp pháp, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nên ràng buộc các bên tham gia ký kết. Ông Nguyễn Trần Đại Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán do đó căn cứ các Điều 463, 466 BLDS năm 2015, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc Ông Nguyễn Trần Đại Q phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 10/4/2024 là 53.182.602 đồng; trong đó, dư nợ gốc mới là: 51.668.779 đồng, lãi quá hạn: 1.513.823 đồng. Ông Q tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 10/4/2024 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán tất cả các khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 90 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể là: 2.659.130 đồng (*Hai triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn một trăm ba mươi đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 351, 401, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 30, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, 228, 235, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 90, 91, 94, 95 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của nguyên đơn là **Ngân hàng TMCP S** đối với bị đơn là ông **Nguyễn Trần Đại Q.**

Tuyên xử:

Buộc ông **Nguyễn Trần Đại Q** phải trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền là 53.182.602 đồng (*Năm mươi ba triệu một trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm lẻ hai đồng*). Trong đó, dư nợ gốc mới là: 51.668.779 đồng, lãi quá hạn: 1.513.823 đồng.

Ông **Nguyễn Trần Đại Q** phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/04/2024 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã kí.

2. Án phí dân sự sơ thẩm 2.659.130 đồng (*Hai triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn một trăm ba mươi đồng*) ông **Nguyễn Trần Đại Q** phải chịu.

Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền tạm ứng án phí 1.010.930đ (*Một triệu không trăm mười nghìn chín trăm ba mươi đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0002660 ngày 17/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Minh Cúc

